

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2025 “V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hồng Ngọc

2. Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 305/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2500/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Tuyết V, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Hẻm A đường C, khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Hiện trú tại: Đ, thôn T, xã P huyện T, tỉnh Bình Định.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Hẻm A đường C, khu V, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết V trình bày:** Bà và ông Nguyễn Văn T có thời gian tìm hiểu vài tháng và tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1994 và đăng ký kết hôn tại UBND xã N (nay là phường N) vào năm 2000. Sau khi cưới, vợ chồng sống với cha mẹ chồng được 01 năm sau đó

cất nhà ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng căng thẳng nhất trong vòng 04 năm qua. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là cứ mỗi lần ông T đi nhậu về thì chửi bới vợ con và thường gọi tên của cha mẹ bà ra chửi bới, xúc phạm. Thời gian đầu bà cố chịu đựng nhưng về sau thì ông T ăn nhậu nhiều hơn và thường xuyên chửi bới, xúc phạm đến cha mẹ của bà, bà bỏ ra thuê trọ ở riêng một thời gian, sau đó ông T xin lỗi và hứa không tái phạm nữa nên bà quay về chung sống nhưng sau đó ông T không thay đổi, bà lại ra thuê nhà ở riêng, cứ như vậy lặp đi lặp lại nhiều lần, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông T nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Như Ý sinh ngày 05/8/1995 và Nguyễn Văn T1 sinh ngày 20/11/1996, hiện 02 người con đều đã trưởng thành, lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông và bà Lê Thị Tuyết V có thời gian tìm hiểu 06 tháng và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N (nay là phường N) vào ngày 08/9/2000. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại phường N, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 10 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng lục đục với nhau về vấn đề tiền bạc, đất đai trong gia đình. Những lần vợ chồng kinh cãi ông có to tiếng nhưng không có lần nào đánh vợ. Đến tháng 10 năm 2024 bà V kiếm chuyện kinh cãi với ông rồi bỏ ra ngoài thuê nhà sống, ông nhiều lần thuyết phục bà V về chung sống nhưng bà V không đồng ý. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà V nên không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Tuyết V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Như Ý sinh ngày 05/8/1995 và Nguyễn Văn T1 sinh ngày 20/11/1996, hiện 02 người con đều đã trưởng thành, lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Tuyết V được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: 02 người con đã trưởng thành nên miễn xét

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét
4. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Tuyết V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng tiếp tục vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết V và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, đến năm 2000 mới tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã N (nay là phường N) cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa bà V và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến tháng 10 năm 2024 giữa vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên bà V đã ra thuê nhà sống riêng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà V xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T. Ngược lại trong quá trình làm việc, hòa giải ông Nguyễn Văn T xác định vẫn còn tình cảm và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Tuyết V. Xét yêu cầu của bà V và ông T thấy rằng: Trong cuộc sống vợ chồng giữa bà V và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà V nhiều lần bỏ đi nhưng sau đó vẫn chấp nhận quay lại chung sống với ông T nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn căng thẳng hơn dẫn đến việc bà V gửi đơn ly hôn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn. Ngoài ra, bản thân ông T mong muốn hàn gắn tình cảm với bà V nhưng trong thời gian sống ly thân cả hai không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng. Hơn nữa qua xem xét mức độ căng thẳng giữa bà V và ông T trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp hòa giải, cũng như qua xác minh ở địa phương thấy rằng mâu thuẫn giữa bà V và ông T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Tuyết V được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Thị Tuyết V và ông Nguyễn Văn T cùng xác định vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Như Ý sinh ngày 05/8/1995 và Nguyễn Văn T1 sinh ngày 20/11/1996, hai người con đã trưởng thành và lập gia đình, bà V và ông T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Tuyết V và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng

dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Tuyết V phải chịu theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết V được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2/ Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Như Ý sinh ngày 05/8/1995 và Nguyễn Văn T1 sinh ngày 20/11/1996 đã trưởng thành, bà V và ông T không yêu cầu giải quyết.

3/ Tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Tuyết V và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Tuyết V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005685 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND phường Nhơn Hưng
- (GCNKH số 30, ngày 08/9/2000)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn